

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025; Nghị quyết số 174/2024/QH15 Kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-BNNMT ngày tháng năm 2026 về đề nghị phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số /BC-HĐTD ngày tháng năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là điều chỉnh quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Quan điểm:

a) Phát huy vai trò của đất đai là nguồn tài nguyên đặc biệt, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải có tầm nhìn dài hạn, tổng thể, đáp ứng các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã xác định; bảo đảm tính liên vùng, liên tỉnh, kết nối giao thông, hành lang kinh tế (ven biển, cửa khẩu), cực tăng trưởng, kinh tế trọng điểm và quốc tế; gắn kết hữu cơ giữa đô thị và nông thôn; giữa yêu cầu công nghiệp hóa với đô thị hóa trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương, tạo không gian phát triển mới trong bối cảnh vừa sắp xếp lại các đơn vị hành chính;

b) Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến địa phương, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, tỷ lệ che phủ rừng; bảo vệ môi trường, các hệ sinh thái, di tích lịch sử, di sản thiên nhiên, danh lam thắng cảnh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nhất là nhu cầu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với đặc điểm phân bố dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số; định hướng cho không gian phát triển, khai hoang, lấn biển;

c) Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia đảm bảo sự phân bổ chủ động, linh hoạt, dựa trên nguyên tắc thị trường, phát triển bền vững; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội dựa trên sự cân bằng và khả năng của hệ sinh thái, bảo vệ, phục hồi đất bị suy thoái, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; có giải pháp khai thác, sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; đảm bảo sự đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch tổng thể quốc gia, ngành quốc gia, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; đồng thời làm căn cứ cho quy hoạch ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất trên cơ sở dự báo, cân đối hợp lý nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương nhằm khơi thông nguồn lực đất đai, thúc đẩy sự phát triển hài hòa các ngành, lĩnh vực, vùng miền và địa phương, góp phần tạo động lực và nền tảng vững chắc để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

2. Mục tiêu

a) Bảo đảm nhu cầu sử dụng đất để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và xa hơn, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia. Phân bổ hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo nền tảng và tiền đề vững chắc cho tăng trưởng cao

trong dài hạn nhằm hiện thực hóa khát vọng và tầm nhìn đến năm 2045 đưa nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao;

b) Bố trí quỹ đất đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế, cực tăng trưởng và các vùng động lực phát triển của quốc gia; duy trì hợp lý diện tích đất trồng lúa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, chuyển đổi linh hoạt diện tích đất có chất lượng xấu, hiệu quả thấp; đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng cả nước ổn định ở mức 42% trở lên, lượng phát thải khí nhà kính giảm 8-9%/năm để phấn đấu nhanh nhất đạt mục tiêu giảm phát thải ròng của quốc gia về “0” vào năm 2050;

c) Tiếp tục thực hiện khai hoang, phục hóa, lấn biển, đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng; hạn chế tình trạng suy thoái đất; cải tạo, phục hồi diện tích đất bị thoái hóa, ô nhiễm nặng gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

II. ĐỊNH HƯỚNG, TẦM NHÌN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Đến năm 2050, tài nguyên đất được sử dụng hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tập trung đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và phát triển đô thị hiện đại, xanh, văn minh; hoàn thành mục tiêu quốc gia về công nghiệp hoá, hiện đại hoá và trở thành một nước phát triển, thu nhập cao với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không gian sử dụng đất được phân bố dựa trên tiềm năng các vùng sinh thái nông nghiệp, lợi thế hành lang kinh tế ven biển và 06 vùng kinh tế - xã hội, bảo đảm cân đối được yêu cầu an ninh lương thực, mục tiêu thiên niên kỷ về môi trường, văn hóa, quốc phòng, an ninh; bảo đảm cân bằng của hệ sinh thái tự nhiên.

2. Việc bố trí không gian sử dụng đất theo vùng lãnh thổ như sau:

a) Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn nhằm bảo đảm về an ninh môi trường và bảo vệ hệ sinh thái; bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn nước các hồ, đập để điều tiết nước sản xuất và sinh hoạt. Bảo đảm phát huy các lợi thế về tài nguyên rừng, khoáng sản, các cửa khẩu, văn hóa dân tộc đặc sắc, đa dạng và tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ. Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế dọc theo các trục giao thông hướng tâm về Thủ đô Hà Nội, gắn kết với các hành lang kinh tế quốc tế; phát triển kinh tế vùng biên, phát huy vai trò kinh tế cửa khẩu;

b) Vùng Đồng bằng sông Hồng: xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn. Tiếp tục xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gắn với cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện; tập trung phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp và dịch vụ hiện đại. Thúc đẩy mạnh mẽ các trung tâm đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh đô thị hóa gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các đầu mối liên kết giao thông quan trọng. Phát triển vùng lúa chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch; đẩy mạnh

công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở khu vực phía Nam của vùng;

c) Vùng Bắc Trung Bộ: tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển chắn gió, chắn cát, rừng đặc dụng, vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên kết hợp với bảo tồn đa dạng sinh học; nâng cao năng lực phòng chống giảm thiểu thiệt hại của thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Tăng cường liên kết vùng, tiếp tục hình thành, phát triển hệ thống giao thông, đô thị ven biển, các trung tâm du lịch biển. Phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế Bắc - Nam gắn với các cảng biển và dịch vụ cảng biển; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản gắn với dịch vụ hậu cần nghề cá;

d) Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp chế biến. Phát triển nhanh, đồng bộ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng hạt nhân. Phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế Bắc - Nam và các trục hành lang kinh tế Đông - Tây gắn với các cảng biển nước sâu, cảng biển chuyên dụng, dịch vụ cảng biển; xây dựng kết cấu hạ tầng đường bộ cao tốc và nâng cấp mạng lưới giao thông nội vùng, các tuyến liên vùng để tăng cường liên kết vùng, nhất là vùng Đông Nam Bộ và với Nam Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia. Phát triển hệ thống đô thị trong vùng và các trung tâm du lịch lớn, hình thành các tuyến du lịch chuyên đề đặc thù khu vực Tây Nguyên, các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm quốc tế. Quy hoạch hệ thống hồ đập, tưới nhỏ giọt, bảo đảm an ninh nguồn nước. Nâng cao hiệu quả các diện tích cây công nghiệp, cây dược liệu; hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối, xây dựng thương hiệu sản phẩm trên thị trường quốc tế. Rà soát, củng cố, bảo vệ rừng đặc dụng, vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên và xác định lâm phận ổn định; tăng cường phát triển hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn gắn với bảo vệ tài nguyên nước, rừng phòng hộ ven biển chắn gió, chắn cát. Nâng cao năng lực, phòng chống giảm thiểu thiệt hại của thiên tai, bão lũ, hạn hán; chủ động ứng với biến đổi khí hậu, chống sa mạc hóa, sạt lở. Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, các trung tâm dịch vụ hậu cần và hạ tầng nghề cá;

đ) Vùng Đông Nam Bộ: nâng cao khả năng kết nối hạ tầng vùng, tạo động lực liên kết, lan tỏa thúc đẩy hợp tác và phát triển với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Thúc đẩy phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế; phát triển chuỗi công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải gắn với hành lang kinh tế xuyên Á; tập trung phát triển cảng biển Cái Mép - Thị Vải trở thành cảng biển container trung chuyển quốc tế; xây dựng thành phố sân bay cửa ngõ quốc tế

Long Thành. Phát triển nông nghiệp hàng hóa, sinh thái đạt hiệu quả cao về xã hội và môi trường; bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn;

e) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: tập trung sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hiện đại, quy mô lớn; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp hiệu quả cao; công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản; phát triển chuỗi giá trị về nông nghiệp đối với 03 sản phẩm chủ lực của vùng về thủy sản, trái cây và lúa gạo; vùng trọng điểm về trồng lúa tại khu vực Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên; vùng trồng cây ăn quả ven sông Tiền, sông Hậu và khu vực cù lao; vùng nuôi trồng thủy sản tại khu vực ven biển từ Đồng Tháp (Tiền Giang cũ) đến An Giang (Hà Tiên cũ). Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, xây dựng mạng lưới đô thị vùng tạo động lực cho phát triển, tăng cường liên kết với thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ. Xây dựng, phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy, kết nối nội vùng và liên vùng, hỗ trợ và không xung đột với hệ thống thủy lợi, đê điều. Phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Bảo đảm việc sử dụng đất linh hoạt, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, xây dựng các công trình chống sạt lở, xâm nhập mặn, bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn.

III. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 theo nội dung điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia như sau:

Đơn vị tính: nghìn ha

STT	Loại đất	Hiện trạng năm 2024	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 theo Nghị quyết số 39/2021/QH15	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	So sánh tăng (+); giảm (-)
1	Nhóm đất nông nghiệp	28.147,28	27.732,04	26.693,47	-1.038,57
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	3.907,07	3.568,48	3.252,63	-315,85
1.2	Đất rừng đặc dụng	2.338,42	2.455,54	2.485,32	29,78
1.3	Đất rừng phòng hộ	5.165,87	5.229,59	5.090,28	-139,31
1.4	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	3.519,95	3.950,45	3.727,11	-223,34
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	4.112,20	4.896,48	6.050,05	1.153,57
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	218,57	289,07	289,78	0,71
2.2	Đất an ninh	52,11	72,33	80,00	7,67

IV. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Về chính sách và tính đồng bộ của hệ thống quy hoạch có sử dụng đất

a) Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn có sử dụng đất để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được phê duyệt;

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách tài chính về đất đai, có chế độ ưu đãi trong tiếp cận đất đai để thu hút đầu tư, phát triển; đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án có sử dụng đất;

c) Có chính sách điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân bổ hài hòa, hợp lý tạo nguồn lực phát triển giữa các vùng miền, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, nhất là những địa phương trọng điểm phải giữ diện tích đất trồng lúa, đất rừng để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng; hài hòa lợi ích giữa các bên trong quá trình chuyển dịch đất đai theo quy hoạch nhất là đảm bảo cho người bị thu hồi đất có cuộc sống, sinh kế tốt hơn; quan tâm phúc lợi xã hội cho người chưa đến tuổi lao động, không còn tuổi lao động và các đối tượng chính sách, yếu thế trong xã hội;

d) Trong trường hợp cần thiết khi có phát sinh mới nhu cầu sử dụng đất làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh chủ động đề xuất với Chính phủ điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất để kịp thời bố trí quỹ đất đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

đ) Tập trung xử lý các vấn đề chồng chéo, vướng mắc giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch ngành có sử dụng đất, nhất là quy hoạch khoáng sản, quy hoạch năng lượng trong thời gian vừa qua ở các địa phương làm ảnh hưởng đến việc giải ngân vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về khoa học và công nghệ

a) Đẩy nhanh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai nhằm thống nhất quản lý nhà nước về đất đai từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, trong đó dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch được quản lý, cập nhật kịp thời, thường xuyên, công bố công khai tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp được tiếp cận kịp thời, chính xác thông tin, dữ liệu về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất;

b) Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cũng như trong việc dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

3. Về nguồn lực

a) Ưu tiên nguồn lực đầu tư công để thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia, nhất là trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng, năng lượng, công nghiệp; thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách, nhất là nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân để thực hiện các dự án về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, khu công nghiệp, lấn biển, nhà ở xã hội; bố trí đủ nguồn vốn cho các nhiệm vụ điều chỉnh các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn để nguồn lực đất đai được khai thác, sử dụng hiệu quả, kịp thời cho yêu cầu phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới của đất nước;

b) Bảo đảm nguồn lực tài chính để hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất; bảo đảm nguồn lực thực hiện các chỉ tiêu trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

4. Về bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường, phục hồi đất bị suy thoái và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Áp dụng các mô hình bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quản lý, sử dụng đất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và các mô hình hạn chế ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất, tăng khả năng chịu hạn, hạn chế sự xói mòn của đất. Khuyến khích cải tạo đất, bảo vệ môi trường đất, môi trường nước và đa dạng sinh học, đặc biệt đối với những khu vực đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa nặng, khu vực đất bị ô nhiễm nghiêm trọng cần có giải pháp cải tạo, phục hồi nhằm giảm thiểu suy thoái đất, ô nhiễm đất, góp phần cải thiện chất lượng đất, môi trường đất;

b) Đẩy nhanh việc khai hoang, phục hóa, lấn biển, đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất bãi bồi ven sông ven biển cho phát triển rừng nhằm sử dụng triệt để, tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất tự nhiên của cả nước; phát triển cây xanh đô thị, khu công nghiệp; thúc đẩy, khuyến khích đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất theo mô hình tuần hoàn, ít phát thải, đảm bảo quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế rác thải, chất thải rắn liên vùng, liên tỉnh. Lựa chọn các công nghệ tiên tiến, công nghệ ít phát thải trong thu hút các dự án có sử dụng đất với các khu vực nhạy cảm về môi trường;

c) Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường. Duy trì bảo vệ và phát triển hợp lý vốn rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển. Khuyến khích sử dụng đất theo mô hình nông lâm kết hợp cho hiệu quả cao; phục hồi và phát triển trồng rừng ngập mặn ven biển, trồng rừng chắn cát và trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu công nghiệp. Cần xây dựng kế hoạch di dời các khu dân cư, các cơ sở sản xuất ra khỏi các vùng, khu vực có nguy cơ thiên tai, tai biến địa chất, sạt lở, sụt lún;

d) Chuyển đổi mục đích sử dụng đất gắn với chuyển đổi mô hình sinh kế nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và tích tụ đất nông nghiệp để tạo các vùng chuyên canh sản xuất quy mô lớn gắn với tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ, tăng cường cơ giới hóa, điện khí hóa và trí tuệ nhân tạo trong nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp thông minh.

5. Về kiểm tra, thanh tra, giám sát

a) Tăng cường quản lý, kiểm soát, sử dụng đất đai trên toàn quốc, trong đó, tập trung công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt; kiểm tra, xử lý nghiêm tình trạng vi phạm quy hoạch và các hoạt động gây ô nhiễm, làm hủy hoại đất, thoái hóa đất. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; hạn chế tình trạng điều chỉnh trước thời hạn. Có cơ chế linh hoạt để giải quyết đối với một số trường hợp công trình trọng yếu quốc gia phát sinh nhưng chưa có trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt để tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư;

b) Xây dựng và ban hành các chế tài xử lý các vi phạm trong việc quản lý và thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, xử lý tình trạng lãng phí đất đai, đất được giao, cho thuê nhưng chậm đưa vào sử dụng. Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất;

c) Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tránh gây lãng phí tài nguyên đất thông qua việc thu hồi đất, giao đất cần dựa trên nhu cầu, năng lực và khả năng thực tế của từng dự án, từng nhà đầu tư. Kiên quyết thu hồi diện tích đất, mặt nước của các dự án đã giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng lãng phí, sai mục đích, không hiệu quả;

d) Tiếp tục tăng cường sự giám sát của các cơ quan dân cử, các tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người dân ở địa phương, đặc biệt là vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp, vai trò của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp và công tác thanh tra, kiểm tra của Chính phủ, quản lý của bộ ngành, các địa phương gắn với xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm trong công tác lập và thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

6. Về tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức

a) Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; công khai, minh bạch điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất bằng các hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng;

b) Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo vệ, cải tạo đất, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Tổ chức công khai, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Chủ trì phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được phê duyệt cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Đôn đốc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các địa phương;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

đ) Phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được phân bổ.

2. Giao Bộ Tài chính:

a) Chủ trì việc thẩm định điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đảm bảo phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia và tuân thủ theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Bố trí các nguồn vốn để đảm bảo các hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai trong đó có việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh.

3. Các bộ, ngành khác căn cứ vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được phê duyệt:

a) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành, lĩnh vực đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã phân bổ và tổ chức quản lý, sử dụng đất theo đúng điều chỉnh quy hoạch được duyệt;

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được phân bổ; kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường những tồn tại, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia và đảm bảo tuân thủ theo chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ. Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của địa phương về Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Chỉ đạo các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất tại địa phương theo đúng điều chỉnh quy hoạch được duyệt;

c) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật và điều chỉnh quy hoạch được duyệt;

d) Tổ chức thực hiện tại địa phương việc: xác định rõ ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên cần bảo vệ, đất quốc phòng, đất an ninh; điều tra, đánh giá đất đai; cải tạo, phục hồi những diện tích đất bị thoái hóa, bị ô nhiễm nghiêm trọng và khai thác quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp;

đ) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý những vi phạm liên quan đến quản lý, sử dụng đất và việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**